

Bản án số 08/2024/HS-ST
Ngày 15 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Khắc Hoàn và bà Vũ Thị Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Chung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 123/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, số 02/2024/QĐXXST-HS, ngày 03/01/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T**; sinh năm 1991, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: khu F, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Vũ Thị P; có vợ là Dương Thị T1; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 20/8/2023, tạm giam từ ngày 20/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trọng K**; sinh năm 1972, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đắc K1 và bà Nguyễn Thị T2; có vợ là Đặng Thị H; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: năm 2020 bị Tòa án nhân dân (TAND) thị xã Q xử phạt 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong bản án; bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 20/8/2023, tạm giam từ ngày 20/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Vũ Đình T3**; sinh năm 1979, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B và bà Trần Thị B1; có vợ là Nguyễn Thị

Hồng A; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/8/2023 đến ngày 20/8/2023, tạm giam từ ngày 20/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phạm Văn Q**; sinh năm 1980, tại huyện T, thành phố Hải Phòng. Nơi thường trú: thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q1 và bà Đinh Thị L; có vợ là Nguyễn Thị V; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: năm 2005 bị TAND huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản; năm 2009 bị TAND huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; năm 2013 bị TAND huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; năm 2018 bị TAND thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong các bản án trên; bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 13/9/2023 đến ngày 22/9/2023, tạm giam từ ngày 22/9/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

* *Người làm chứng*: Anh Bùi Hữu T4, sinh năm 1988; nơi thường trú; khu B, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người chứng kiến*:

1. Ông Đinh Hữu L1, sinh năm 1962; địa chỉ: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Trịnh Y, sinh năm 1966; địa chỉ: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1978; địa chỉ: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Nguyễn Quyết T5, sinh năm 1956; địa chỉ: khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vũ Đình T3, Phạm Văn Q là bạn bè quen biết ngoài xã hội, thường xuyên sử dụng ma túy. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/7/2023 T3 gọi điện hỏi Q mua 01 túi ma túy Methamphetamine, Quyền đồng ý hẹn gặp tại đoạn đường gần khu vực nghĩa trang thuộc thôn T, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng để giao dịch mua bán ma túy. Tại đây, Q bán cho T3 01 túi Methamphetamine và 01 túi ma túy Ketamine giá 5.000.000 đồng. T3 đem số ma túy mua được về nhà chia túi Methamphetamine thành 06 túi nhỏ vừa để sử dụng vừa bán lại cho người khác kiếm lời.

Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 11/8/2023 Lê Văn T gọi điện hỏi T3 mua 01 túi ma túy Methamphetamine, T3 đồng ý. Sau đó T đến nhà T3 ở khu R, phường Q, thị xã Q mua của T3 01 túi Methamphetamine giá 800.000 đồng, T xin nợ trả tiền sau.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/8/2023 Công an thị xã Q kiểm tra hành chính tại nơi ở của Vũ Đình T3 tại khu R, phường Q. Quá trình kiểm tra T3 tự lấy chiếc ví ở trong túi quần phía sau bên phải đang mặc, bên trong ví có 05 túi nilon trong đó có 04 túi bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, 01 túi bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy và giao nộp cùng 01 điện thoại di động (ĐTDD) Iphone cho Cơ quan điều tra.

Cùng khoảng thời gian trên, T đem túi Methamphetamine đến nhà Nguyễn Trọng K ở khu R, phường Q mục đích sử dụng cùng K. Khi đến nhà K, T thấy Bùi Hữu T4 (*sinh năm 1988, trú tại khu B, phường Q*) cũng đang ngồi chơi ở phòng khách cùng K. T hỏi K bộ dụng cụ sử dụng ma túy của K đâu, K nói để ở ngăn kéo tủ trong phòng ngủ thì T đi vào phòng ngủ của K tự lắp bộ D sử dụng ma túy lại và cho ma túy Methamphetamine vào nõ thủy tinh châm lửa hút. Một lúc sau T4 đi vào thấy T đang sử dụng ma túy, T4 nói với T cho sử dụng cùng, T đồng ý. Lúc này K đi qua phòng ngủ nhìn thấy T, T4 đang chuẩn bị sử dụng ma túy. T châm lửa cho T4 hút 01 hơi xong rồi cả hai đi ra ngoài phòng khách, T bảo K vào sử dụng ma túy thì K nhờ T4 đi mua hộ 01 túi đá lạnh (để uống nước) và đi vào phòng ngủ. K châm lửa hút 01 hơi trước, sau đó K gọi T vào và châm lửa cho T hút 01 hơi rồi cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở trong ngăn kéo tủ quần áo. Một lúc sau T4 mua túi đá lạnh về, cả ba ngồi chơi ở phòng khách đến 17 giờ 10 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã Q kiểm tra, phát hiện T, K, T4 có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ vật chứng: thu tại ngăn kéo tủ bên trái tủ quần áo trong phòng ngủ của K 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa màu trắng, trên nắp chai đục 02 lỗ, một lỗ gắn đoạn ống nhựa màu trắng dài 32cm, lỗ còn lại gắn ống thủy tinh dài khoảng 13cm, đầu ống thủy tinh có bầu tròn, bên trong bầu có bám dính chất cặn màu nâu), 01 bật lửa màu đỏ có gắn đầu đốt dài khoảng 06cm; thu tại ngăn kéo bàn để đồ trong phòng ngủ của K 05 vỏ túi nilon có kích thước khác nhau. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của T 01 ĐTDD nhãn hiệu Iphone, của K 01 ĐTDD nhãn hiệu Vivo.

Ngày 13/9/2023 Cơ quan điều tra bắt, khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Phạm Văn Q tại thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng, thu giữ: thu dưới tủ lạnh trên sân thượng 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình bầu tròn bên trong bám dính chất cặn màu nâu nghi là ma túy; thu trong túi màu đen Q đang cầm 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy.

Tại các bản Kết luận giám định số 1180, 1181/KL-KTHS ngày 17/8/2023 và số 1361/KL-KTHS ngày 19/9/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận:

+ Các mẫu vật thu giữ của Vũ Đình T3 gửi giám định: chất tinh thể màu trắng trong 04 túi nilon có tổng khối lượng 0,757 gam là ma túy loại Methamphetamine và chất bột màu trắng trong 01 túi nilon có khối lượng 0,219 gam là ma túy loại Ketamine.

+ Vết màu nâu dạng vết không xác định được khối lượng dính trong bầu thủy tinh thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Trọng K gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine.

+ Các mẫu vật thu giữ của Phạm Văn Q gửi giám định: chất bột màu trắng trong tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng có khối lượng 0,014 gam là ma túy loại Ketamine; chất bột màu nâu trong bầu thủy tinh có khối lượng 0,009 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Bản Kết luận giám định số 1186/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận: tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Lê Văn T, Nguyễn Trọng K, Bùi Hữu T4 gửi giám định.

Quá trình điều tra, các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, Lê Văn T, Nguyễn Trọng K đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, Phạm Văn Q còn khai nhận: nguồn gốc số ma túy bán cho Vũ Đình T3 là ngày 25/7/2023 Quyền mua 01 túi Methamphetamine và 01 túi Ketamine của một người đàn ông không rõ lai lịch địa chỉ với giá 5.000.000 đồng tại khu vực đường tàu thuộc quận L, thành phố Hải Phòng về sử dụng một phần, phần còn lại bán cho T3. Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ tại nơi ở của Quyền là ngày 12/9/2023 Quyền mua 01 túi Methamphetamine và 01 túi Ketamine của một người phụ nữ không quen biết giá 4.000.000 đồng tại khu vực đường tàu về sử dụng được một phần, phần còn lại chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSQY ngày 11/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên đã truy tố: Lê Văn T, Nguyễn Trọng K, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng, luận tội và đề nghị:

- Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 11/8/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 11/8/2023;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vũ Đình T3 từ 27 tháng đến 30 tháng tù, về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 11/8/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 30 tháng đến 36 tháng tù, về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/9/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu, sung ngân sách nhà nước 1.000 đồng và 02 ĐTDD nhãn hiệu Iphone, tiêu các hũ thẻ sim lắp trong các điện thoại. Truy thu 5.000.000 đồng của bị cáo Q để nộp ngân sách nhà nước. Trả lại 01 ĐTDD nhãn hiệu Vivo cho bị cáo K. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa màu trắng, trên nắp chai đục 02 lỗ, một lỗ gắn đoạn ống nhựa màu trắng dài 32cm), 01 bật lửa màu đỏ có gắn đầu đốt dài khoảng 06cm, 05 vỏ túi nilon; 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình bầu tròn; 0,56 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,17 gam ma túy loại Ketamine; 01 ống thủy tinh dài khoảng 13cm, đầu ống thủy tinh có bầu tròn.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, Lê Văn T, Nguyễn Trọng K đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trong quá trình điều tra và phù hợp với nội dung vụ án nêu trên, ngoài ra còn khai: T3 bị thu giữ 01 điện thoại sử dụng liên lạc mua bán ma túy. Số ma túy bị thu giữ là của T3 chưa kịp bán thì bị Công an phát hiện bắt giữ. T bị thu giữ 01 điện thoại sử dụng liên lạc mua ma túy. K bị thu giữ 01 điện thoại không liên quan đến vụ án.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, Lê Văn T và Nguyễn Trọng K tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận: Việc truy tố và đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai, không có ý kiến gì đối với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người làm chứng Bùi Hữu T4 khai phù hợp với các bị cáo T, K về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi T4 được T cho sử dụng ma túy. Bản thân biết rõ và không có mâu thuẫn gì với các bị cáo T, K.

Lời khai của những người chứng kiến: ông Đinh Hữu L1, ông Nguyễn Trịnh Y, chị Nguyễn Thị Hồng A và ông Nguyễn Quyết T5 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với biên bản kiểm tra, biên bản khám xét, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, Lê Văn T và Nguyễn Trọng K thừa nhận hành vi đã thực hiện như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai xác nhận của người làm chứng, những người chứng kiến, nội dung biên bản kiểm tra hành chính và biên bản bắt khám xét khẩn cấp, vật chứng thu giữ của các bị cáo, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/7/2023 tại thôn T, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn Q đã bán trái phép 02 túi ma túy loại Methamphetamine và Ketamine cho Vũ Đình T3 giá 5.000.000 đồng. Ngày 11/8/2023 tại khu R, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Đình T3 bán 01 túi Methamphetamine cho Lê Văn T với giá 800.000 đồng, ngoài ra T3 còn tàng trữ 0,757 gam Methamphetamine và 0,219 gam Ketamine mục đích để bán. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, tại nơi ở

của Nguyễn Trọng K ở khu R, phường Q, Lê Văn T chuẩn bị ma túy loại Methamphetamine, Nguyễn Trọng K chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhau và cho Bùi Hữu T4, đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã Q kiểm tra phát hiện, bắt giữ. Các bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuy biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Trọng K đủ yếu tố cấu thành tội: **“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”** quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q đủ yếu tố cấu thành tội: **“Mua bán trái phép chất ma túy”** quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên truy tố các bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

- **Về tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của các bị cáo:** Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

Các bị cáo T3, Q phạm tội độc lập với nhau và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình. Bị cáo Q có nhân thân xấu, năm 2005 bị TAND huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, năm 2009 bị TAND huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, năm 2013 bị TAND huyện Thuỷ Nguyên xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, năm 2018 bị TAND thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã được xoá án tích. Cả hai bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp nên để có tiền mua ma túy các bị cáo đã chia nhỏ số ma túy mua được một phần sử dụng cho bản thân, một phần bán lại cho người nghiện khác. Cụ thể là bị cáo Q bán cho bị cáo T3, còn bị cáo T3 chia nhỏ số ma túy mua được bán lại cho Lê Văn T, ngoài ra bị cáo T3 còn tàng trữ 0,757 gam Methamphetamine và 0,219 gam Ketamine mục đích để bán.

Các bị cáo T, K phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người chuẩn bị ma túy; bị cáo K có nhân thân xấu, năm 2020 bị TAND thị xã Quảng Yên xử phạt 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã được xoá án tích, bị cáo thấy bị cáo T đem ma túy đến sử dụng, bị cáo tiếp nhận ý chí chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng ma túy để cùng bị cáo T tổ chức sử dụng ma túy cho nhau và cho Bùi Hữu T4 tại nơi ở của mình. Nên hành vi của hai bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và phải chịu mức hình phạt ngang nhau.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, Lê Văn T và Nguyễn Trọng K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó các bị cáo được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo, cần có một hình phạt nghiêm, xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo thấy cần thiết phải có mức án nghiêm, cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung mới đủ để rèn luyện, giáo dục các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[3.2] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo lao động tự do không có công việc và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 02 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone thu giữ của các bị cáo T3, T sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, các thẻ sim lắp trong các điện thoại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo thu giữ của bị cáo K không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo Q bán ma túy thu lợi số tiền 5.000.000 đồng cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo T3 bán ma túy số tiền 800.000 đồng nhưng chưa thu lợi nên không xem xét.

- Đối với: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa màu trắng, trên nắp chai đục 02 lỗ, một lỗ gắn đoạn ống nhựa màu trắng dài 32cm), 01 bật lửa màu đỏ có gắn đầu đốt dài khoảng 06cm, 05 vỏ túi nilon; 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình bầu tròn và các mẫu vật hoàn lại sau giám định đựng trong các niêm phong số 1180, 1181, 1361/KL-KTHS: 0,56 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,17 gam ma túy loại Ketamine; 01 ống thủy tinh dài khoảng 13cm, đầu ống thủy tinh có bầu tròn không còn giá trị sử dụng và là vật Nhà nước cấm tàng trữ cần tịch thu tiêu hủy; tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng là tiền các bị cáo T, K sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về các tình tiết khác trong vụ án:

- Đối với Phạm Văn Q, Bùi Hữu T4 có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thị xã Q đã xử lý hành chính theo quy định.

- Đối với các đối tượng đã bán ma túy cho Phạm Văn Q, quá trình điều tra không xác định được con người, lai lịch địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định;
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Trọng K phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (B2) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 11/8/2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng K 07 (B2) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 11/8/2023.

Căn cứ: khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Vũ Đình T3 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 11/8/2023.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 13/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 1.000 đồng (Một nghìn đồng); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đã cũ (thu của bị cáo T); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã cũ (thu của bị cáo T3);

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 chai nhựa màu trắng, trên nắp chai đục 02 lỗ, một lỗ gắn đoạn ống nhựa màu trắng dài 32cm); 01 bật lửa màu đỏ có gắn đầu đốt dài khoảng 06cm; 05 vỏ túi nilon; 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình bầu tròn; các thẻ sim lắp trong các điện thoại và các mẫu vật hoàn lại sau giám định đựng trong các niêm phong số 1180, 1181, 1361/KL-KTHS: (bên trong phong bì có 0,56 gam ma túy loại Methamphetamine và 0,17 gam ma túy loại Ketamine; 01 ống thủy tinh dài khoảng 13cm, đầu ống thủy tinh có bầu tròn);

- Trả lại bị cáo Nguyễn Trọng K 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo màu xanh đã cũ, gắn 02 sim điện thoại;

- Buộc bị cáo Phạm Văn Q phải nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

(Toàn bộ số vật chứng, tài sản trên có đặc điểm và tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản vào hồi 15 giờ, 15 phút, ngày 11/12/2023 giữa Công an thị xã Q với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, Lê Văn T và Nguyễn Trọng K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 và khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo Vũ Đình T3, Phạm Văn Q, Lê Văn T và Nguyễn Trọng K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát NDTX Quảng Yên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT Công an TX Quảng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX Quảng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, VP./.

Phạm Phúc Định